

**CÔNG TY TNHH KHANG NGUYỄN VINA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHANG NGUYỄN VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400956347

**3. Ngày thành lập:** 27/02/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Núi, Xã Việt Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0966781332

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649        |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                 | 4651        |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                              | 4653        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659        |
| 6.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                        | 4661        |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                 | 4662        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                   | 4669(Chính) |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 11. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                   | 4690        |
| 12. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                      | 1410        |
| 13. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                  | 1520        |
| 14. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                      | 1610        |
| 15. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                   | 1621        |
| 16. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                             | 1622        |
| 17. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                             | 1623        |
| 18. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                            | 1629        |
| 19. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                 | 1702        |
| 20. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                    | 1709        |
| 21. | In ấn                                                                                                                               | 1811        |

|     |                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                           | 1812 |
| 23. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                          | 1820 |
| 24. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                               | 2013 |
| 25. | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su                                                                                                                                | 2211 |
| 26. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                                                                                                                   | 2219 |
| 27. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>chi tiết: gia công, sản xuất bàn ghế nhựa đúc, dây nhựa, dây đai (trừ Sản Xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b) | 2220 |
| 28. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                     | 2511 |
| 29. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                         | 2512 |
| 30. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                   | 2591 |
| 31. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                       | 2592 |
| 32. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                        | 2593 |
| 33. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                        | 2599 |
| 34. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                         | 2610 |
| 35. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                          | 2620 |
| 36. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                 | 2640 |
| 37. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                     | 2651 |
| 38. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                | 2731 |
| 39. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                             | 2732 |
| 40. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                            | 2733 |
| 41. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                  | 2740 |
| 42. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                          | 2750 |
| 43. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                        | 2790 |
| 44. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Bán lẻ các sản phẩm từ nhựa                                                                                                            | 4933 |
| 45. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                        | 5210 |
| 46. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                     | 7730 |
| 47. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                      | 3100 |
| 48. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                     | 3811 |
| 49. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                   | 3830 |
| 50. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                               | 4752 |
| 51. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh            | 4759 |
| 52. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                           | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.600.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 27/02/2023 đến ngày 29/03/2023

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: GIÁP THỊ XUÂN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 28/02/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024191010569

Ngày cấp: 21/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Núi, Xã Việt Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Núi, Xã Việt Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: GIÁP THỊ XUÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/02/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024191010569

Ngày cấp: 21/09/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Núi, Xã Việt Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Núi, Xã Việt Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang